

UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ QUY NHƠN NĂM 2024
(VÒNG 1)**

Phòng thi: 17 (Phòng máy 1)
Kiểm thức chung: Ca 1, Sáng ngày 13/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 07 giờ 30 phút, thời gian thu bài lúc 08 giờ 40 phút
Tiếng Anh: Ca 2, Chiều ngày 12/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 15 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 15 giờ 40 phút

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
1	VCTP377	C1.LHP.TD	NGUYỄN THANH THỦY	05/04/1997	X	Tây Sơn, Bình Định			
2	VCTP378	MG.HOSEN.GV	ĐOÀN THỊ TIÊN	13/12/2000	X	Vân Canh, Bình Định	Dân tộc thiểu số		
3	VCTP379	C1.NLY.TA	LÊ THỊ TIÊN	22/04/1993	X	An Nhơn, Bình Định		X	
4	VCTP380	C1.NKH.TIN	LÊ GIA TIẾN	27/08/1998		Quy Nhơn, Bình Định			
5	VCTP381	C1.PMY.TA	NGUYỄN THỊ THANH TIỀN	05/06/1998	X	Đông Hòa, Phú Yên		X	
6	VCTP382	MG.NLY.GV	LÊ THỊ DUYÊN TÍNH	11/11/1999	X	Vĩnh Thạnh, Bình Định			
7	VCTP383	C2.NBINH.TOAN	NGUYỄN TỐT	01/09/1992		Phù Cát, Bình Định			
8	VCTP384	C2.NBINH.TOAN	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	28/11/2001	X	Quy Nhơn, Bình Định			
9	VCTP385	C2.NBINH.TOAN	NGÔ THỊ THANH TRÀ	06/01/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
10	VCTP386	C2.PMY.TOAN	LÊ THỊ MỸ TRÀ	30/12/1996	X	Phù Cát, Bình Định			
11	VCTP387	MG.PMY.YT	VÕ HOÀI TRÂM	22/04/1998	X	Tuy Phước, Bình Định			
12	VCTP388	MG.NPHU.GV	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂM	09/02/1989	X	Tuy Phước, Bình Định			
13	VCTP389	MG.NPHU.GV	HUỖNH THỊ BÍCH TRÂM	06/06/1998	X	Tây Sơn, Bình Định			
14	VCTP390	MG.HOSEN.GV	PHAN THỊ HUYỀN TRÂM	18/08/1991	X	Quy Nhơn, Bình Định			
15	VCTP391	C2.NBINH.TOAN	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	19/09/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
16	VCTP392	C1.NLY.TA	TRẦN XUÂN BẢO TRÂN	03/12/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định		X	

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
17	VCTP393	MG.NLY.GV	PHẠM THỊ TRANG	24/09/2003	X	Kông Chro, Gia Lai			
18	VCTP394	MG.BTX.GV	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	16/03/1993	X	Đồng Xuân, Phú Yên			
19	VCTP395	MG.BTX.GV	TRẦN THỊ HIỀN TRANG	25/11/1992	X	Vân Canh, Bình Định			
20	VCTP396	MG.NPHU.GV	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	08/11/1995	X	Quy Nhơn, Bình Định			
21	VCTP397	MG.QNHON.GV	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	11/11/2002	X	Hoài Nhơn, Bình Định			
22	VCTP398	C1.BTX.GV	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	08/02/1996	X	Quy Nhơn, Bình Định			

Danh sách có 22 thí sinh./.

UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ QUY NHƠN NĂM 2024
(VÒNG 1)**

Phòng thi: 18 (Phòng máy 2)
Kiến thức chung: Ca 1, Sáng ngày 13/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 07 giờ 30 phút, thời gian thu bài lúc 08 giờ 40 phút
Tiếng Anh: Ca 2, Chiều ngày 12/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 15 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 15 giờ 40 phút

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
1	VCTP399	C1.KĐONG.GV	CAO THỊ THU TRANG	16/06/1993	X	Sông Hình, Phú Yên			
2	VCTP400	C2.TQD.TA	BÙI VƯƠNG NGỌC ĐÀI TRANG	11/10/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định		X	
3	VCTP401	C1.NHOI.TIN	TRẦN THỊ TRÍ	02/01/1987	X	Hoài Ân, Bình Định			
4	VCTP402	MG.HOSEN.GV	HUỲNH THỊ THU TRIỀU	09/09/2002	X	Tây Sơn, Bình Định			
5	VCTP403	C2.PMY.TOAN	NGUYỄN VĂN TRIỀU	21/07/1996		Hoài Nhơn, Bình Định			
6	VCTP404	C2.TQD.AN	NGUYỄN TẤN TRIỆU	20/03/1987		Đức Phổ, Quảng Ngãi			
7	VCTP405	MG.NLY.GV	LÊ THỊ TRINH	12/06/1999	X	Quy Nhơn, Bình Định			
8	VCTP406	MG.PMY.GV	NGUYỄN THU TRINH	10/02/1998	X	Quy Nhơn, Bình Định			
9	VCTP407	MG.BTX.GV	LÊ THỊ TUYẾT TRINH	15/05/1999	X	Vân Canh, Bình Định			
10	VCTP408	MG.PLAN.GV	VÕ THỊ LAN TRINH	13/10/1998	X	Tuy Phước, Bình Định			
11	VCTP409	C1.BTX.GV	HUỲNH THỊ TRINH	10/10/1998	X	Tuy Phước, Bình Định			
12	VCTP410	C1.BTX.GV	NGUYỄN THỊ HIỆP TRINH	09/11/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
13	VCTP411	C1.HCANG.TIN	NGUYỄN ÁI TRINH	10/09/1993	X	Quy Nhơn, Bình Định			
14	VCTP412	C1.HCANG.TIN	NGUYỄN THỊ THỦY TRINH	26/12/1995	X	Sông Cầu, Phú Yên			
15	VCTP413	C1.PMY.TA	HUỲNH THỊ BÍCH TRINH	02/02/1996	X	Hoài Nhơn, Bình Định	Con thương binh	X	
16	VCTP414	C2.TQD.TA	TRẦN THỊ HUYỀN TRINH	03/01/1979	X	Tuy Phước, Bình Định		X	

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
17	VCTP415	C2.TQD.TA	ĐOÀN VĂN TRỌNG	11/02/1995		Quy Nhơn, Bình Định		X	
18	VCTP416	C1.HCANG.GV	ĐOÀN THỊ THANH TRÚC	15/03/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
19	VCTP417	C1.NLY.GV	NGUYỄN THANH TRÚC	09/06/2001	X	Quy Nhơn, Bình Định			
20	VCTP418	C1.NHA1.GV	HỒ THỊ THANH TRÚC	20/09/2002	X	Hoài Nhơn, Bình Định			
21	VCTP419	C1.PMY.TA	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/10/1996	X	An Nhơn, Bình Định		X	
22	VCTP420	C2.TQD.TA	TRẦN THỊ THU TRÚC	24/10/2000	X	Phù Cát, Bình Định		X	
23	VCTP421	C1.ACO.TD	LÊ THIÊN TRƯỜNG	25/03/2001	X	Vĩnh Thạnh, Bình Định			

Danh sách có 23 thí sinh./.

UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ QUY NHƠN NĂM 2024
(VÒNG 1)

Phòng thi: 19 (Phòng máy 1)
Kiểm thức chung: Ca 2, Sáng ngày 13/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 09 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 10 giờ 10 phút
Tiếng Anh: Ca 3, Chiều ngày 12/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 16 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 16 giờ 40 phút

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
1	VCTP422	C1.QTR.TIN	DƯƠNG THỊ HÀ TRƯỜNG	20/12/1995	X	Phù Mỹ, Bình Định			
2	VCTP423	C1.BTX.GV	HUỲNH THANH TRUYỀN	24/08/1999	X	Phù Mỹ, Bình Định			
3	VCTP424	C1.NQU.GV	HUỲNH CẨM TÚ	20/06/2001	X	Phù Mỹ, Bình Định			
4	VCTP425	C1.KĐONG.GV	NGUYỄN CẨM TÚ	24/02/1985	X	Quy Nhơn, Bình Định	Con thương binh		
5	VCTP426	C2.NBINH.TOAN	HỒ VĂN TƯ	03/03/1996		An Nhơn, Bình Định			
6	VCTP427	C1.NPHU.TD	NGUYỄN CÔNG TUẤN	27/06/1996		Quy Nhơn, Bình Định			
7	VCTP428	C1.KĐONG.GV	LÊ THỊ THÙY TUYỀN	09/12/2000	X	Hoài Nhơn, Bình Định			
8	VCTP429	C1.NHAL.GV	NGÔ KIM TUYẾN	24/11/2001	X	Phù Mỹ, Bình Định			
9	VCTP430	C2.PMY.TOAN	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	21/01/1995	X	Quy Nhơn, Bình Định			
10	VCTP431	MG.NPHU.GV	CHU THỊ TUYỀN	14/06/1992	X	Hoàng Mai, Hà Nội	Con thương binh		
11	VCTP432	C1.NHOL.TA	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	04/06/1994	X	Phù Cát, Bình Định		X	
12	VCTP433	C1.PMY.TA	LÂM THỊ HOÀNG TUYẾT	02/12/2000	X	An Nhơn, Bình Định		X	
13	VCTP434	C1.NHOL.GV	PHẠM ĐẶNG TƯỜNG UY	12/08/2002	X	Mang Yang, Gia Lai			
14	VCTP435	C1.NHOL.TA	HỒ THỊ LAN UYÊN	01/01/1995	X	Phù Cát, Bình Định		X	
15	VCTP436	C1.NHOL.GV	HUỲNH THỊ HỒNG VÂN	23/01/1981	X	Quy Nhơn, Bình Định			
16	VCTP437	C1.NHOL.GV	NGUYỄN LÊ MINH VÂN	22/07/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
17	VCTP438	C1.PMY.GV	NGUYỄN THỊ VÂN	09/01/1993	X	Vân Canh, Bình Định			
18	VCTP439	C1.NQU.TV	NGUYỄN THỊ HỒNG VÀNG	03/04/1994	X	Quy Nhơn, Bình Định			
19	VCTP440	C1.NHOL.GV	TRẦN THỊ PHI VÂN	20/04/2000	X	Phù Mỹ, Bình Định			
20	VCTP441	MG.BTX.GV	PHẠM THỊ ÁI VI	04/07/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
21	VCTP442	C1.BTX.GV	NGUYỄN TRẦN LÊ ÁI VI	10/10/2002	X	Vân Canh, Bình Định			
22	VCTP443	C1.ACO.GV	NÔNG THỊ HÀ VI	02/02/1994	X	Tuy Phước, Bình Định			

Danh sách có 22 thí sinh./.

UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ QUY NHƠN NĂM 2024
(VÒNG 1)

Phòng thi: 20 (Phòng máy 2)
Kiểm thức chung: Ca 2, Sáng ngày 13/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 09 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 10 giờ 10 phút
Tiếng Anh: Ca 3, Chiều ngày 12/09/2024. Thời gian gọi thí sinh vào phòng thi lúc 16 giờ 00 phút, thời gian thu bài lúc 16 giờ 40 phút

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
1	VCTP444	C1.PMY.TA	CAO VÕ TƯỜNG VI	20/06/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định		X	
2	VCTP445	C1.NHOL.TA	NGUYỄN THỊ TRÚC VIÊN	02/11/1992	X	Tây Sơn,Bình Định		X	
3	VCTP446	C1.HCANG.GV	LÊ DUY VIỆT	07/06/1999		Quy Nhơn, Bình Định			
4	VCTP447	C1.KĐONG.TV	ĐẶNG CAO VINH	16/10/1988		Tuy Phước, Bình Định			
5	VCTP448	C2.TQD.CN	TRƯƠNG NGỌC VINH	15/12/1986		Tuy Phước, Bình Định			
6	VCTP449	MG.BTX.GV	NGUYỄN THỊ ĐÔNG VƯƠNG	20/08/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định			
7	VCTP450	MG.NHA1.GV	ĐỖ HẢI VY	02/07/1995	X	Quy Nhơn, Bình Định			
8	VCTP451	MG.NPHU.GV	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	28/07/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định			
9	VCTP452	MG.HOSEN.GV	DƯƠNG NGUYỄN THẢO VY	25/08/1996	X	Quy Nhơn, Bình Định			
10	VCTP453	C1.ACO.GV	PHẠM TƯỜNG VY	04/06/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
11	VCTP454	C2.TQD.TA	PHAN THỊ HIỀN VY	09/04/1992	X	An Nhơn, Bình Định		X	
12	VCTP455	C1.QTR.TD	VÕ VĂN VỸ	21/11/1988		Quy Nhơn, Bình Định			
13	VCTP456	C2.TQD.TA	TRẦN THỊ VỸ	03/01/2002	X	Quảng Ngãi, Quảng Ngãi		X	
14	VCTP457	C1.NLY.TA	TRƯƠNG THỊ KIM XUÂN	20/10/1994	X	An Nhơn, Bình Định		X	
15	VCTP458	C1.NHOL.GV	NGUYỄN TRÚC Y	04/01/2002	X	Hoài Nhơn, Bình Định			
16	VCTP459	MG.29.GV	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	10/11/2001	X	Quy Nhơn, Bình Định			

TT	Số báo danh	Mã việc làm	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nữ)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
17	VCTP460	MG.29.GV	ĐỖ NHƯ Ý	27/09/2003	X	Quy Nhơn, Bình Định			
18	VCTP461	MG.HOSEN.GV	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	25/01/1999	X	Kon Tum, Kon Tum			
19	VCTP462	MG.NVC.GV	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	25/08/2001	X	Tuy An, Phú Yên			
20	VCTP463	MG.29.GV	NGUYỄN HỒNG YẾN	27/10/2002	X	Tây Sơn, Bình Định			
21	VCTP464	C1.NHA1.GV	PHẠM THỊ HỒNG YẾN	05/08/2002	X	Quy Nhơn, Bình Định			
22	VCTP465	C2.TQD.TA	TRẦN XUÂN YẾN	18/09/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định		X	

Danh sách có 22 thí sinh./.